

Số: /2025/QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 679/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 11 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Người sử dụng đất, chủ sở hữu cây trồng, vật nuôi gắn liền với đất và đối tượng khác có liên quan đến khu đất thu hồi.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ di dời

Đối với những loại cây trồng trong chậu, trong bồn, cây ăn trái trồng tạm với mục đích ương giống, bán giống có thể di dời được thì được hỗ trợ chi phí di dời và thiệt hại thực tế do di dời, phải trồng lại. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xem xét chi phí di dời thực tế, thiệt hại do di dời đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ.

Điều 3. Những trường hợp không phải bồi thường

1. Cây trồng, vật nuôi được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

2. Đối với cây trồng hằng năm, vật nuôi đã đến thời kỳ thu hoạch thì không bồi thường; trường hợp loại cây hằng năm, vật nuôi chưa đến thời kỳ thu hoạch, nếu dự án chưa thật cấp bách, có thể kéo dài đủ thời gian để thu hoạch thì không bồi thường.

Điều 4. Ban hành kèm theo Quyết định này đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang (*Chi tiết tại các phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII đính kèm*).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các loại cây trồng, vật nuôi không có tên tại các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này thì cơ quan Nhà nước, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác định khối lượng, giá trị thiệt hại thực tế và các quy định của pháp luật để lập đơn giá bồi thường, hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

2. Khi có phát sinh cây trồng, vật nuôi mới hoặc các yếu tố hình thành đơn giá cây trồng, vật nuôi có biến động thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2025 và thay thế: Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang (cũ); Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời đối với từng loại vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (cũ).

2. Quy định chuyển tiếp

Đối với trường hợp đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định đã phê duyệt. Đối với trường hợp chưa có quyết định phê duyệt

phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, trường hợp phát sinh vướng mắc, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Website Chính phủ;
- Bộ: NNMT, TC;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Website VPUBND tỉnh;
- Phòng: NC, TH, KTN;
- Lưu: VT, tbtri.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức